



VNU Journal of Foreign Studies

Journal homepage: <https://jfs.ulis.vnu.edu.vn/>

AN ANALYSIS OF INTERPRETING MISTAKES AMONG CHINESE LANGUAGE MAJORS AT VNU UNIVERSITY OF LANGUAGES AND INTERNATIONAL STUDIES

Pham Minh Tien*

*Faculty of Chinese Language and Culture, VNU University of Languages and International Studies,
No.2 Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 08 July 2025

Revised 12 September 2025; Accepted 17 October 2025

Abstract: Interpreting is a pivotal skill in the undergraduate training program for Chinese Language majors, particularly within the current context of increasingly profound China-Vietnam economic and cultural exchange. However, students often encounter numerous difficulties in the interpreting process, stemming from disparities in encyclopedic knowledge, linguistic skills, and the ability to apply interpreting techniques in practical work situations. To obtain objective data for assessing students' interpreting competence, this study collected and surveyed audio recordings of mid-term exams taken by Chinese Language majors at the University of Languages and International Studies, Vietnam National University, Hanoi. Based on an analysis of common mistakes in both Chinese - Vietnamese and Vietnamese - Chinese interpreting, we identified significant students' limitations in conveying information accurately, fluently, and promptly. The prevalent mistakes are categorized into linguistic mistakes and interpreting skill deficiencies. Consequently, the paper proposes several recommendations for learning and teaching methodologies aimed at enhancing instructional effectiveness and improving the quality of interpreter training.

Keywords: mistake, skill, interpreting, Chinese language

* Corresponding author.

Email address: phamminhtien2@yahoo.com<https://doi.org/10.63023/2525-2445/jfs.ulis.5572>

PHÂN TÍCH LỖI PHIÊN DỊCH CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Phạm Minh Tiến

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội,
Số 2 Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 08 tháng 7 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 12 tháng 9 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 17 tháng 10 năm 2025

Tóm tắt: Phiên dịch (dịch nói) là một kỹ năng then chốt trong đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, đặc biệt trong bối cảnh giao lưu kinh tế, văn hóa Trung - Việt ngày càng sâu rộng như hiện nay. Tuy nhiên, sinh viên thường gặp nhiều khó khăn trong quá trình phiên dịch, xuất phát từ sự khác biệt về kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ, cũng như khả năng vận dụng kỹ năng phiên dịch trong quá trình làm việc. Nhằm có nguồn dữ liệu khách quan đánh giá năng lực phiên dịch của sinh viên, nghiên cứu này đã tiến hành thu thập và khảo sát các bản ghi âm bài thi giữa kỳ của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Trên cơ sở phân tích các lỗi phổ biến trong quá trình phiên dịch Trung - Việt và Việt - Trung, chúng tôi nhận thấy sinh viên còn nhiều hạn chế trong việc truyền tải thông tin một cách chuẩn xác, lưu loát và nhanh chóng. Các lỗi phổ biến bao gồm các lỗi ngôn ngữ và lỗi kỹ năng. Từ đó, bài viết đưa ra một số kiến nghị về phương pháp học tập và giảng dạy, nhằm nâng cao hiệu quả dạy học và chất lượng phiên dịch.

Từ khóa: lỗi sai, kỹ năng, phiên dịch, ngôn ngữ Trung Quốc

1. Đặt vấn đề

Dịch thuật đang trở thành một trong những trọng tâm đào tạo trong các chương trình đào tạo chuyên ngành ngoại ngữ ở bậc cao đẳng, đại học trong những năm gần đây tại Việt Nam. Từ góc độ phương thức triển khai hoạt động, dịch thuật thường bao gồm hai loại hình cơ bản là phiên dịch (dịch nói) và biên dịch (dịch viết). Trong bối cảnh giao lưu kinh tế, văn hoá giữa hai quốc gia, phiên dịch Trung - Việt đang phát triển mạnh mẽ như hiện nay, việc đào tạo sinh viên có kiến thức, kỹ năng phiên dịch tốt là một nhu cầu cấp thiết. Vì vậy, bộ môn Phiên dịch đang trở thành nội dung quan trọng trong việc đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ tiếng Trung Quốc tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội nói riêng và các trường đại học, cao đẳng tại Việt Nam nói chung.

Mặc dù phiên dịch và biên dịch là hai loại hình cơ bản nhất, cần có những kỹ năng chung trong quá trình triển khai công việc, tuy nhiên, mỗi loại lại có yêu cầu kiến thức, kỹ năng và tiêu chí đánh giá kết quả quá trình chuyển dịch ngôn ngữ riêng biệt. Những sản phẩm của biên dịch thường được lưu lại định hình cụ thể, thuận lợi cho việc khảo sát và phân tích lỗi sai của người học dễ dàng hơn. Vì vậy, các công trình nghiên cứu về lĩnh vực biên dịch có số lượng lớn và mang lại kết quả có giá trị thực tiễn cao. Có thể liệt kê một số tác giả và công trình nghiên cứu như: Đỗ Thuý Hằng (2018) nghiên cứu về lỗi sai biên dịch của sinh viên tiếng Hàn; nhóm tác giả Nguyễn Hải Hà, Chu Thị Huyền Mi và Trần Thị Bích Ngọc (2015) nghiên cứu lỗi sai thường gặp trong bài dịch của sinh viên Khoa Sư phạm tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, v.v.

Trong khi đó, do kết quả của quá trình phiên dịch là lời nói, âm thanh, không định hình và thông thường nhanh chóng lướt qua, vì vậy, để khảo sát và phân tích lỗi sai của sinh viên trong phiên dịch gặp nhiều thách thức và thiếu hụt nguồn dữ liệu khách quan. Những nghiên cứu trong những năm gần đây của các chuyên gia, các nhà nghiên cứu về phiên dịch không dựa theo những tiêu chí đánh giá hoạt động phiên dịch. Thông thường, những nghiên cứu thiếu thuyết phục và có phần trùng lặp kết quả nghiên cứu của biên dịch, ví dụ như: nhóm tác giả Đặng Thụy Liên, Nguyễn Phước Tâm (2023) nghiên cứu lỗi sai thường gặp của sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc khi học môn phiên dịch. Mặc dù có đề cập về lỗi phiên dịch của sinh viên, nhưng kết quả nghiên cứu của hai tác giả vẫn dựa trên tiêu chí đánh giá biên dịch, do đó chưa phản ánh đúng thực chất các lỗi phiên dịch của sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc.

Bộ môn phiên dịch ngành Ngôn ngữ Trung Quốc hệ cử nhân chính quy của Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội được xây dựng thành ba học phần, gồm: Phiên dịch cơ bản, Phiên dịch nâng cao và Phiên dịch chuyên ngành. Mỗi học phần gồm 03 tín chỉ (45 giờ tín chỉ). Nội dung và tài liệu giảng dạy được xây dựng có mối quan hệ hữu cơ, theo cấu trúc từ thấp đến cao, chủ đề liên quan đến các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, ngoại giao, giáo dục, môi trường và công nghệ, v.v. Nhiệm vụ trọng tâm của mỗi học phần tuy có khác nhau, song cùng nhằm tới một mục tiêu là đào tạo sinh viên nắm vững kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng phiên dịch Trung - Việt. Các học phần được sắp xếp từ học kì V đến học kì VII. Đối tượng khảo sát của nghiên cứu này là sinh viên năm thứ ba đã hoàn thành học phần Phiên dịch cơ bản và đang theo học học phần Phiên dịch nâng cao. Phần kiểm tra đánh giá trong học phần đều quy định sinh viên sẽ tham gia kì thi phiên dịch giữa kì và cuối kì. Bài thi giữa kì sẽ do giảng viên chuẩn bị tệp nghe âm thanh, sinh viên nghe và ghi âm tại phòng thi. Giảng viên đánh giá kết quả học tập trên các bản ghi âm của sinh viên. Đây cũng chính là nguồn dữ liệu mà chúng tôi sử dụng để triển khai đề tài nghiên cứu này. Việc lựa chọn đối tượng này là nhằm đảm bảo rằng họ đã được trang bị những kiến thức nền tảng về lý thuyết và kỹ năng phiên dịch, đồng thời đang ở giai đoạn phát triển và hoàn thiện kỹ năng này, do đó, các lỗi sai được ghi nhận sẽ có tính chất điển hình và mang lại giá trị phân tích cao. Trên cơ sở kết quả phân tích, chúng tôi đưa ra những kiến nghị dạy và học, giúp nâng cao hiệu quả dạy và học môn phiên dịch.

2. Định nghĩa về phiên dịch

Thời gian gần đây, các nhà nghiên cứu Trung Quốc đã khá quan tâm nghiên cứu phiên dịch. Họ thường tách chúng ra khỏi biên dịch để tiến hành đi sâu nghiên cứu và nhận diện rõ nét hơn về phiên dịch. Dưới đây là một số định nghĩa về phiên dịch của các học giả Trung Quốc.

Mai Đức Minh (梅德明, 2010) định nghĩa về phiên dịch: “口译是一种通过口头表达形式, 将所感知和理解的信息准确而又快速地由一种语言形式转换成另一种语言形式, 进而达到完整并即时传递与交流信息之目的的交际行为, 是现代跨文化、跨民族交往的一种基本沟通方式。” (Dịch nghĩa: *Phiên dịch là hoạt động giao tiếp thông qua lời nói, qua đó, các thông tin được tiếp nhận và lí giải sẽ được chuyển đổi nhanh chóng và chính xác từ ngôn ngữ này sang dạng ngôn ngữ khác thông qua lời nói, nhằm đạt được mục đích truyền tải và trao đổi thông tin một cách trọn vẹn và tức thời. Đây là một phương thức giao tiếp cơ bản trong bối cảnh giao tiếp liên văn hóa và xuyên quốc gia của xã hội hiện đại.*)

Tác giả La Nhân Gia (罗仁家, 2014) cho rằng: “口译是指将一种语言所表述的内容用另一种语言即时准确地用口头表达出来。” (Dịch nghĩa: *Phiên dịch là để chỉ sự truyền tải nội dung cần biểu đạt của một ngôn ngữ sang một ngôn ngữ khác chính xác và tức thì bằng lời nói.*)

Tác giả Tần Tiểu Nhã (秦小雅, 2010) nhận định: “口译并不是逐字逐句的口头翻译, 它是指用目标语言为听者准确地解释和说明讲话者的意思。” (Dịch nghĩa: *Phiên dịch không phải là cách chuyển dịch từng câu, từng chữ bằng lời nói, mà để chỉ hoạt động giải thích hoặc thuyết minh ý nghĩa chính xác của người nói cho người nghe của ngôn ngữ đích.*)

Theo ba tác giả trên nhận định, phiên dịch là một hoạt động chuyển dịch ngôn ngữ, để truyền tải thông tin bằng lời nói một cách chính xác, tức thì từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích, nhằm đảm bảo sự giao tiếp thuận lợi của hai đối tượng không cùng ngôn ngữ.

3. Tiêu chí đánh giá

Đề cập đến các tiêu chuẩn đánh giá kỹ năng dịch nói, tác giả Lí Việt Nhiên (李越然) trích theo Tần Tiểu Nhã (秦小雅) (2010) cho rằng ba tiêu chuẩn cho kỹ năng dịch nói đó là: “chuẩn”, “thuận” và “khoái” (nhANH). Tác giả Tôn Văn Bưu (孙万彪) cho rằng tiêu chí đánh giá kỹ năng dịch nói là: “trung thực” và “lưu loát”. Nhóm tác giả Vĩ Trường Phúc, Lâm Lợi và Lương Mậu Hoa (韦长福、林莉、梁茂华, 2017) nhận định rằng: “độ chuẩn xác”, “độ lưu loát” và “độ nhanh chóng” là ba tiêu chuẩn cơ bản để đánh giá chất lượng quá trình phiên dịch. Tổng hợp những nghiên cứu của các tác giả trên, chúng tôi cho rằng “chuẩn xác”, “lưu loát” và “nhanh chóng” là những tiêu chí cơ bản để đánh giá quá trình phiên dịch. Tuy nhiên, nếu chỉ nói chung chung như vậy thì các tiêu chí ấy sẽ khá mơ hồ, khó có thể trở thành thước đo chính xác khi đánh giá sản phẩm dịch nói. Ở đây, chúng ta sẽ tiến hành đi sâu vào phân tích từng cụ thể tiêu chí như sau:

“Chuẩn xác” được coi là tiêu chí cốt lõi cho cả biên dịch và phiên dịch. Tuy nhiên, trong phiên dịch, người dịch cần chú trọng truyền tải trung thực, đầy đủ và chuẩn xác những thông tin nội dung, ý nghĩa thông tin mà mình nghe thấy từ ngôn ngữ nguồn, chuyển dịch sang một ngôn ngữ đích bằng âm thanh, lời nói nhằm đạt được mục đích của giao tiếp. Trong phiên dịch không chú trọng đến chuyển dịch từng từ, từng câu, từng ý như biên dịch. Cũng chính vì lẽ đó, người dịch không được phép thay đổi, bổ sung, cắt bớt nội dung thông tin của ngôn ngữ nguồn khi truyền tải sang ngôn ngữ đích và đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Phải đảm bảo nguyên tắc truyền tải thông tin để các bên hiểu nhau, có nghĩa người dịch phải truyền tải được nghĩa nội hàm, dụng ý, sắc thái tình cảm của người nói, chứ không phải truyền tải nghĩa mặt chữ của lời nói đó. Ví dụ, “你慢吃” nghĩa thực tế là: *ông/bà cứ dùng tự nhiên* (nghĩa mặt chữ là: “*ông/bà ăn chậm thôi*”), biểu thị sự phép lịch sự trong khi mời khách; hay “她是我的菜” nghĩa thực tế là: *Cô ấy là kiểu người tôi thích* (nghĩa mặt chữ là: “*Cô ấy là món ăn của tôi*”).

- Bản địa hoá ngôn ngữ, nghĩa là trong quá trình phiên dịch khiến cho người nghe không cảm thấy những sự ảnh hưởng của ngôn ngữ nguồn còn tồn tại trong ngôn ngữ đích. Ví dụ: Giám đốc Đại học Quốc gia (国家大学总校长), thứ trưởng (副部长), chính quyền địa phương (地方政府) .v.v.

- Lượng thông tin cần truyền tải từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích phải có giá trị tương đương, đảm bảo từ ngữ chính xác, ý nghĩa rõ ràng, không tự động giảm bớt cũng như không tự tăng thêm nội dung thông tin.

“Lưu loát” là khi phiên dịch, đòi hỏi người dịch phải biểu đạt ngôn ngữ lưu loát, trôi chảy, rõ ràng và đúng trật tự ngữ pháp, giúp người nghe có cảm giác tự nhiên, dễ tiếp thu. Trong quá trình làm việc, việc người dịch diễn đạt lúng túng, thiếu mạch lạc, lời nói ngắt ngứ, cú pháp lủng củng hoặc lặp lại nhiều lần thông tin hoặc tự thêm nhiều từ đệm, câu chữ rỗng hoặc ngừng

nghe nhiều sẽ làm ảnh hưởng đến hiệu quả của việc giao tiếp.

Tiêu chí “nhanh chóng” trong phiên dịch cần được hiểu như sau:

- Người dịch có thể nghe hiểu, lí giải và phản ứng nhanh. Người dịch cần tập trung lắng nghe tiếp nhận, lí giải ý nghĩa nội dung thông tin cần biểu đạt thực tế của lời nói, từ đó chuyển dịch thông tin một cách chính xác. Ở đây, nghe hiểu sẽ là khâu quan trọng quyết định đến việc phiên dịch có thể triển khai thuận lợi hay không, việc tốc độ nghe và hiểu quá chậm, sẽ ảnh hưởng rất lớn đến quá trình phiên dịch.

- Ghi tốc kí: thông thường để bảo đảm sự liên mạch của một đoạn phát biểu hoặc một ý kiến, người nói thường sẽ nói liên tục trong vài phút hoặc hơn mới ngừng lại, tạo áp lực lớn lên độ ghi nhớ ngắn hạn của người dịch. Vì vậy, đòi hỏi người dịch phải ghi chép lại thông tin của đoạn phát biểu hoặc đoạn ý kiến trên một cách nhanh gọn, cốt lõi nhất có thể, tránh ghi chép đầy đủ từng từ, từng câu.

- Liên kết dịch nhanh: Tức là sự kết nối giữa người phát biểu và người dịch phải thật nhanh chóng, nếu người nói đã dừng lại một quãng thời gian, mà phiên dịch chưa triển khai sẽ làm cho sự giao tiếp hai bên bị đứt gãy, khiến người nói, người nghe đều cảm thấy gượng gạo, áp lực lên người dịch sẽ càng tăng lên. Thời gian phù hợp nhất để nối tiếp lời của phiên dịch viên là sau khi người nói dừng lời trong vòng từ 3 đến 5 giây.

- Thời gian phiên dịch nhanh: Người dịch cần đảm bảo thời lượng phiên dịch ngắn hơn hoặc tương đương với thời lượng mà người nói sử dụng, nếu thời lượng phiên dịch vượt quá thời lượng của người nói, sẽ chiếm dụng thời gian làm việc của các bên, tiếp đến sẽ khiến người nói và người nghe nghỉ ngơi thông tin truyền tải và năng lực dịch thuật của người dịch.

4. Thu thập và phân tích dữ liệu

Trên cơ sở các tiêu chí đánh giá quá trình phiên dịch đã được xác lập ở trên, nghiên cứu tiến hành phân tích các lỗi sai của sinh viên dựa trên nguồn dữ liệu thực tế là bài thi giữa kì. Việc phân tích sẽ tập trung vào ba phương diện then chốt: độ chuẩn xác về mặt thông tin và ngôn ngữ, độ lưu loát trong diễn đạt, và tốc độ phản ứng và xử lý thông tin. Các lỗi được xác định và phân loại sẽ phản ánh mức độ đáp ứng của người học đối với từng tiêu chí cụ thể, từ đó chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu và hướng cải thiện trong quá trình đào tạo.

4.1. Thu thập dữ liệu

Để có được phân dữ liệu nghiên cứu sát với thực tế và khách quan nhất, đồng thời để đáp ứng những tiêu chí phiên dịch cần đánh giá, chúng tôi đã tiến hành thu thập 153 bản ghi âm nội dung thi giữa kì học kì VI, môn học Phiên dịch nâng cao của sinh viên năm thứ ba, hai khoá học gần nhất là QH2021 và QH2022, thuộc chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc theo định hướng Biên phiên dịch. Những sinh viên này đã được làm quen với môn học Phiên dịch cơ bản, Biên dịch cơ bản ở học kì V, đồng thời cũng được học một số nội dung kiến thức biên phiên dịch của môn học kỹ năng Nghiệp vụ Biên phiên dịch. Như vậy, khoá sinh viên này đã nắm bắt được kỹ năng thực hành và kiến thức lí thuyết cho môn Phiên dịch nâng cao. Kì thi giữa kì được tổ chức ở tuần thứ 8 trong chương trình giảng dạy.

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ bài thi giữa kì được thiết kế với các đoạn audio có chủ đề quen thuộc nhưng thông tin hoàn toàn mới, nhằm đánh giá khả năng ứng dụng kỹ năng chứ không chỉ là khả năng ghi nhớ. Mỗi đoạn audio chứa 5-6 đơn vị thông tin, phù hợp với giới hạn của trí nhớ ngắn hạn. Tốc độ và phong cách nói được mô phỏng theo các tình huống phát biểu tự nhiên, đảm bảo tính thực tiễn và độ giá trị của bài đánh giá. Việc tổ chức thi và ghi âm được thực hiện trong điều kiện phòng thi tiêu chuẩn, nhằm đảm bảo tính khách quan và độ tin

cây của dữ liệu thu được.

4.2. Phân tích dữ liệu

Trong phần nghiên cứu này, chúng tôi căn cứ vào các tiêu chí đánh giá quá trình hoạt động phiên dịch đã nêu phía trên để tiến hành phân tích lỗi của sinh viên. Tuy nhiên, do khuôn khổ của một bài báo, cũng như các điều kiện khách quan, chưa có khả năng thu thập một số dữ liệu nên chúng tôi sẽ không thể tiến hành phân tích từng tiêu chí cụ thể, mà sẽ lựa chọn một số lỗi mang tính điển hình để nghiên cứu.

4.2.1. Phân tích lỗi “chuẩn xác” và “lưu loát”

Theo các định nghĩa học thuật, phiên dịch được xác định là hoạt động truyền tải thông tin thông qua hành vi ngôn ngữ. Trong thực tế giao tiếp, các bên tham gia thường không biểu đạt tư tưởng thông qua các từ ngữ hoặc câu rời rạc, mà thông qua các đơn vị ngôn ngữ lớn hơn như đoạn văn để truyền đạt một nhóm thông tin có cấu trúc. Nhóm thông tin này bao gồm: thông tin chủ đề, chủ đạo và các thông tin bổ trợ có quan hệ chặt chẽ với nhau. Các mối quan hệ giữa chúng có thể là quan hệ giải thích, nguyên nhân - kết quả, mục đích - phương tiện, hoặc điều kiện - hệ quả.

Việc truyền tải chính xác một cấu trúc thông tin phức tạp như vậy đặt ra yêu cầu then chốt đối với người phiên dịch. Do đó, phân tích từ góc độ định lượng và định tính của thông tin trở nên hết sức cần thiết. Vai trò của phiên dịch là truyền tải chuẩn xác thông điệp từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích, đảm bảo sự giao tiếp thành công giữa các bên. Sự chuẩn xác ở đây cần được hiểu là việc bảo toàn cả về khối lượng lẫn nội dung thông tin cần truyền tải.

Ví dụ:

(1) 随着经济全球化的进展和中国加入WTO, 中国将在更大范围、更广领域、更高层次上参与国际竞争和技术合作。面对充满机遇和挑战的21世纪, 中国政府充分认识到提高国民整体教育水平是我国参与国际竞争、应对经济全球化挑战的前提条件。未来20年, 中国政府将致力于全面建设小康社会, 继续实施科教兴国战略优先发展教育, 大力开发教育与人力资源, 把人口大国负担转变为人力资源优势, 使全民族的思想道德素质、科学文化素质明显提高, 形成比较完善的现代国民教育体系。

Trong ví dụ (1), sinh viên cần xác định thông tin trung tâm và quan hệ của nó với 6 thông tin bổ trợ dưới đây:

Thông tin trung tâm: Trung Quốc ưu tiên phát triển giáo dục và khai thác nguồn nhân lực để ứng phó với tình hình mới.

1. Bước vào thế kỉ 21, Trung Quốc sẽ tham gia cạnh tranh quốc tế và hợp tác công nghệ ở quy mô, lĩnh vực, cấp độ lớn hơn. (Nguyên nhân)

2. Trung Quốc nhận thức nâng cao giáo dục quốc gia nhằm ứng phó cạnh tranh quốc tế và thách thức toàn cầu hoá. (Động cơ)

3. 20 năm tới, Trung Quốc cam kết xây dựng xã hội khá giả. (Mục tiêu)

4. Trung Quốc tiếp tục thực hiện quốc gia khoa học giáo dục mới, ưu tiên giáo dục, nhằm nâng cao nguồn nhân lực, cải thiện tư tưởng, đạo đức, chất lượng khoa học và văn hoá toàn dân tộc. (Chiến lược)

5. Trung Quốc biến áp lực dân số thành lợi thế nguồn nhân lực. (Mục đích)

6. Trung Quốc xây dựng hệ thống giáo dục quốc gia hoàn chỉnh. (Kì vọng)

Ở ví dụ (1) trong số 15 bản ghi âm của sinh viên, kết quả khảo sát như sau: phiên dịch

đầy đủ 6 nội dung thông tin là 2 sinh viên, chiếm 13,33%; phiên dịch được từ 4 đến 5 nội dung thông tin là 6 sinh viên, chiếm 40%; được 2 đến 3 nội dung thông tin là 5 sinh viên, chiếm 33,3%; phiên dịch được 1 nội dung thông tin là 2 sinh viên, chiếm 13,33%.

(2) *Kinh tế Việt Nam đang ở trong giai đoạn khó khăn. Như chúng ta đã biết, GDP của Việt Nam năm 2022 tăng trưởng là 8,02%, nhưng đến hết quý I năm 2023, GDP của Việt Nam mới chỉ đạt 3,23%, rất là thấp. Để ứng phó với tình trạng kinh tế hiện nay, Chính phủ cũng đã đưa ra nhiều giải pháp, nhiều chính sách. Hiện nay, như chúng tôi được biết, trong kì họp quốc hội đang diễn ra, Quốc hội đã nêu ra một số giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn kinh tế và đặt mục tiêu kinh tế năm nay sẽ tăng trưởng 6,5%, đồng thời lạm phát vẫn giữ ở mức 4% đến 5%.*

Trong ví dụ (2), sinh viên cần xác định thông tin trung tâm và quan hệ của nó với 5 thông tin hỗ trợ dưới đây:

Thông tin trung tâm: Kinh tế Việt Nam trong giai đoạn khó khăn, các biện pháp tháo gỡ và mục tiêu phục hồi.

1. 越南经济正处于困难状况。(giải thích)
2. GDP增长率: 2022年8.02%, 今年第一季度3.23%, 特别低。(Dẫn chứng)
3. 国会与政府推出若干应付措施 (Hành động)
4. 国会制定今年GDP增长率为6.5% (Mục tiêu 1)
5. 通胀率控制在4至5%。(Mục tiêu 2)

Trong ví dụ (2), kết quả thống kê 15 đoạn ghi âm là: phiên dịch đầy đủ 5 nội dung thông tin là 3 sinh viên, chiếm 20%; được từ 3 đến 4 nội dung thông tin là 7 sinh viên, chiếm 46,67%; được 1 đến 2 nội dung thông tin là 4 sinh viên, chiếm 33,3%; không dịch được nội dung thông tin là 1 sinh viên, chiếm 6%.

Theo khảo sát về độ chuẩn xác cho 153 bài thi giữa kì của sinh viên, kết quả như sau:

Bảng 1

Kết quả khảo sát dịch Trung - Việt:

Lượng thông tin	Số lượng bài	Tỉ lệ %	Đánh giá ¹
6 thông tin	39	25,49	Đạt chuẩn
4 - 5 thông tin	50	32,68	Đạt chuẩn
2 - 3 thông tin	41	26,79	Tiếp cận chuẩn
1 thông tin	16	10,46	Chưa đạt
0 thông tin	5	3,26	Chưa đạt
Thông tin sai lệch ²	02	1,3	Chưa đạt
Tổng	153	100	

¹ Tiêu chí đánh giá số lượng thông tin hoàn thành: đạt chuẩn >60%; tiếp cận chuẩn >30%; chưa đạt <30%.

² Thông tin hoàn toàn không có trong bản tin.

Bảng 2*Kết quả khảo sát dịch Việt – Trung:*

Lượng thông tin	Số lượng bài	Tỉ lệ %	Đánh giá
5 thông tin	34	22,22	đạt chuẩn
4 thông tin	47	30,71	Đạt chuẩn
2 - 3 thông tin	58	37,9	Tiếp cận chuẩn
1 thông tin	14	9,15	Chưa đạt
Tổng	153	100	

4.2.1. Lỗi ngôn ngữ**a. Lỗi từ vựng**

Có thể nói, lỗi từ ngữ chiếm tỉ lệ cao nhất trong lỗi ngôn ngữ, thường gặp những loại lỗi cụ thể dưới đây:

- Lỗi phiên dịch từ ngữ:

(3) *Thế hệ GenZ khác với thế hệ đi trước đây là họ đồng thời có hai phiên bản: **một phiên bản sống trên mạng** và một phiên bản sống ngoài đời thực.*

Sinh viên dịch là: 00后的与前一代人不同，因为他们现在同时拥有**网络上生活**和实际生活的两个版本。(Đáp án tham khảo: **虚拟世界生活**)

(4) *Có rất nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học lại không muốn trở về quê hương phát triển sự nghiệp, họ lựa chọn cách ở lại **sống đất dờ** nơi phố thị.*

Sinh viên dịch là: 很多大学生毕业后不想返回家乡发展事业，而选择留在城市**漂流地过日子**。(Đáp án tham khảo: **糊涂(毫无目的)地混日子**)

Trong ví dụ (3) và (4), do sinh viên chỉ chú ý vào nghĩa mặt chữ của từ ngữ trong tiếng Việt, không tìm được từ ngữ biểu thị nghĩa tương ứng, nên đã chuyển dịch khá máy móc tạo nên lỗi trên.

- Lỗi phiên dịch các từ viết tắt tiếng Anh: Một số thuật ngữ chuyên ngành tiếng Anh phổ biến luôn được giữ lại nguyên bản khi đưa vào văn bản tiếng Trung Quốc. Điều này gây rất nhiều khó khăn cho sinh viên, ví dụ:

GDP: Sinh viên dịch là 国民生产总值 (đáp án: 国内生产总值)

NDP : Sinh viên dịch là 国内生产总值 (đáp án: 国民生产总值)

WTO : Sinh viên dịch là 世界卫生组织 (đáp án: 世界贸易组织)

WHO:Sinh viên dịch là 世界贸易组织 (đáp án: 世界卫生组织)

FDI : Sinh viên dịch là 消费物价指数 (đáp án: 外商直接投资)

CPI : Sinh viên dịch là 外商直接投资 (đáp án: 消费物价指数)

Các lỗi trên, chủ yếu là do các từ trên có âm đọc khá tương đồng, nên một số sinh viên nghe nhầm hoặc quên nghĩa những từ ngữ đó, gây ra lỗi trong quá trình phiên dịch.

- Lỗi phiên dịch con số: Do sự biểu đạt của tiếng Việt và tiếng Trung Quốc khác nhau, nên sinh viên thường nhầm lẫn khi phiên dịch nội dung này.

(5) *Dự trữ ngoại hối của Việt Nam đạt **130 tỷ USD**, tương đương 12 tháng nhập khẩu.*

Sinh viên dịch là: 越南外汇储备达130亿美元, 相当于12个月的进口额。(đáp án tham khảo: 1300亿美元)

Trong tiếng Trung Quốc, đơn vị tính cơ bản là vạn (10000), nên khi biểu đạt có sự khác biệt lớn so với tiếng Việt, đặc biệt là các số tính từ hàng chục nghìn trong tiếng Việt và tiếng Trung Quốc. Vì thế, ví dụ (5), do sinh viên chưa nắm được quy tắc nên đã chuyển dịch sai.

(6) 如果股市继续这样上涨, 我的投资将翻两番。

Sinh viên dịch là: Nếu thị trường cổ phiếu tiếp tục tăng như vậy, khoản đầu tư của chúng ta sẽ tăng gấp 2 lần. (Đáp án tham khảo: tăng gấp 4 lần)

Dùng 番 biểu đạt bội số theo mũ lũy thừa của 2 trong tiếng Trung Quốc, có nghĩa là $2 \times 2 = 4$. Do không nắm bắt được cách biểu đạt này, sinh viên chuyển dịch sai nghĩa của ví dụ (6).

- Lỗi sử dụng sắc thái tình cảm của từ ngữ:

(7) Giữa một thị trường đầy rẫy hàng giả, hàng nhái, lòng tin của người tiêu dùng dễ bị lung lay.

Sinh viên dịch là: 在充满着假冒伪劣商品的市场中, 消费者信心很容易受到动摇。(đáp án tham khảo: 充斥着假冒伪劣商品)

(8) 这是李克强总理首次以总理身份出席世界经济论坛年会, 是中国领导人时隔5年再次与会。

Sinh viên dịch là: Đây là lần đầu tiên Thủ tướng Lý Khắc Cường tham dự diễn đàn kinh tế thế giới thường niên với thân phận là thủ tướng. (đáp án tham khảo: trên cương vị thủ tướng)

Trong ví dụ (7) và (8), sinh viên đã nhầm lẫn giữa sử dụng các từ ngữ có nghĩa tích cực trong các ngữ cảnh tiêu cực.

b. Lỗi ngữ pháp và biểu đạt

Trong phần khảo sát của chúng tôi, các hiện tượng chuyển dịch mắc lỗi về cấu trúc ngữ pháp hoặc cách biểu đạt không phù hợp với cả tiếng Trung Quốc và tiếng Việt còn tồn tại khá nhiều. Ví dụ:

(9) 七国集团峰会于2024年6月13日至15日在意大利法萨诺市举行。

Sinh viên dịch là: Từ ngày 13 đến ngày 15 tháng 6 năm 2024, tại thành phố Fasano của Italia, Hội nghị thượng đỉnh G7 đã được tổ chức. (Đáp án tham khảo: Từ ngày 13 đến ngày 15 tháng 6 năm 2024, Hội nghị thượng đỉnh G7 đã được tổ chức tại thành phố Fasano của Italia.)

(10) Tự chủ đại học có 5 điểm có tính nguyên tắc toàn thế giới và 1 điểm cũng có tính nguyên tắc nhưng mà cho Việt Nam và một số nước có mô hình kinh tế chuyển đổi tương tự.

Sinh viên dịch là: 大学自治拥有五项全球通用原则和一项适合越南和一些经济转型国家的特殊原则。(đáp án tham khảo: 大学自治拥有五项全球通用原则和一项针对越南等转型国家的特殊原则。)

Ngoài ra, số lỗi trong biểu đạt lưu loát, không ngắt ngữ, đứt đoạn, âm thanh biểu đạt không tự nhiên trong quá trình còn tồn tại khá nhiều. Trong số liệu khảo sát mà chúng tôi đã phân tích, chỉ có 39/153 (25,5%) sinh viên đạt chuẩn cơ bản của tiêu chí này.

Bảng 3*Lỗi ngôn ngữ và biểu đạt*

Lỗi ngôn ngữ và biểu đạt		Số lượng	Tỉ lệ %
Lỗi từ ngữ	lỗi phiên dịch từ ngữ	574	46,25
	lỗi phiên dịch từ viết tắt tiếng Anh	96	7,7
	lỗi phiên dịch số từ	105	8,46
	lỗi sử dụng sắc thái tình cảm từ ngữ	63	5,07
Lỗi ngữ pháp và biểu đạt	lỗi ngữ pháp	287	23,12
	lỗi biểu đạt	125	10,07
Tổng số		1241	100

4.2.2. Phân tích lỗi kỹ năng thuộc tiêu chí “nhanh chóng”

Ở phần này, trước tiên, chúng tôi khảo sát thời gian bắt đầu dịch tiếp nối của sinh viên sau khi tệp âm thanh kết thúc, kết quả cụ thể như sau:

- Sau từ 3 đến 5 giây có 41 sinh viên chiếm 26,79% (đạt chuẩn);
- Sau 6 đến 10 giây có 66 sinh viên, chiếm 43,13 % (tiếp cận chuẩn);
- Sau 10 giây có 46 sinh viên, chiếm 30,06% (chưa đạt chuẩn).

Tiếp đến, chúng tôi khảo sát thời lượng phiên dịch của sinh viên với thời lượng của bản âm thanh, kết quả cụ thể như sau:

- Đảm bảo thời lượng tương đương có 52 sinh viên, chiếm 33,98 %;
- Vượt thời lượng từ 20 - 50% thời lượng có 59 sinh viên, chiếm 38,56%;
- Vượt thời lượng 60% trở lên có 42 sinh viên, chiếm 27,45%;

5. Kiến nghị về dạy học môn phiên dịch**5.1. Đối với sinh viên**

Từ những kết quả khảo sát trên, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị giúp sinh viên có thể tự nâng cao năng lực và phát triển kỹ năng phiên dịch của bản thân:

- Để khắc phục tình trạng nghe hiểu chậm và thiếu thông tin (được thể hiện qua tỷ lệ đạt thông tin thấp và thời gian phản ứng chậm), sinh viên cần tăng cường luyện nghe từ các nguồn audio đa dạng như: bản tin thời sự, podcast tiếng Trung Quốc, các kênh thông tin âm thanh... với tốc độ nói tự nhiên, qua đó, rèn luyện khả năng nghe - hiểu, phản ứng nhanh, một yếu tố cốt lõi của phiên dịch.

- Nhằm giảm thiểu lỗi từ vựng và thuật ngữ (chiếm tỉ lệ cao nhất là 46,25%), việc học từ cần được đặt trong ngữ cảnh. Sinh viên cần chủ động xây dựng và ôn luyện các bộ từ vựng theo chủ điểm, đặc biệt chú trọng đến các từ viết tắt thông dụng (GDP, WTO...) và cách diễn đạt có sắc thái văn hoá như: thành ngữ, yếm hậu ngữ hay quán ngữ.

- Tập dịch tóm tắt: Để có thể mô phỏng hoặc phiên dịch đúng ngữ điệu, phong cách và tốc độ của người nói, sinh viên cần phải tập dượt nghe và lặp lại ý chính trước khi dịch chi tiết.

- Thực hành nhóm: Sinh viên tạo nhóm dịch nói cùng nhau, cố gắng sử dụng các tình huống giả định. Sinh viên cần áp dụng các tiêu chí kỹ năng đã được học trong quá trình luyện tập phiên dịch.

5.2. Đối với giảng viên

Chúng tôi có một số kiến nghị với giảng viên như sau:

- Để giải quyết các lỗi mang tính hệ thống và lặp lại về ngữ pháp, từ vựng và kỹ năng, giảng viên cần cung cấp phản hồi kịp thời và mang tính xây dựng cho từng bài tập của sinh viên. Việc chỉ rõ nguyên nhân mắc lỗi sẽ giúp người học nhận thức được vấn đề và chủ động khắc phục.

- Sử dụng công nghệ: Ngày nay, có rất nhiều phần mềm phiên dịch có thể giúp giảng viên chuẩn bị các tệp âm thanh có nội dung gần sát với thực tế và đáp ứng mong muốn khác nhau theo ý tưởng kiểm tra đánh giá, hoặc sử dụng trí tuệ nhân tạo để mô phỏng tình huống thực tế.

- Rèn luyện kỹ năng ghi chú: Hướng dẫn sinh viên cách ghi chép các từ khoá then chốt thay vì ghi lại nguyên câu.

- Tích hợp văn hóa vào giảng dạy: Giải thích các yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến ngôn ngữ.

5.3. Đánh giá

Để đánh giá chính xác kỹ năng và kiến thức sinh viên nắm bắt được trong quá trình học môn phiên dịch, chúng ta cần phải tiến hành một số bước đánh giá sau:

- Đánh giá qua các tình huống thực tế: Tổ chức cho sinh viên tham gia phiên dịch thực tế có sự hướng dẫn tại các buổi họp gặp mặt, tọa đàm hoặc hội thảo quốc tế do trường và khoa tổ chức hoặc tiến hành các buổi thi phiên dịch mô phỏng hội nghị, phỏng vấn.

- Khuyến khích tự đánh giá: Khuyến khích sinh viên ghi âm lại các bài dịch của bản thân và cùng nhóm tiến hành phân tích lỗi sai và đưa ra phương án sửa lỗi.

- Đánh giá theo rubric có cấu trúc: Sử dụng bảng tiêu chí đánh giá (rubric) chi tiết, định lượng rõ ràng các mức độ đạt được của từng tiêu chí (độ chuẩn xác, lưu loát, tốc độ) để đảm bảo tính khách quan và cung cấp phản hồi có cấu trúc cho người học.

- Đánh giá thông qua bài tập dịch có ghi âm và phân tích lỗi: Thiết kế bài tập yêu cầu sinh viên không chỉ thực hiện và ghi âm bài dịch mà còn phải tự nghe lại, phân tích lỗi dựa trên rubric và viết báo cáo phản hồi, qua đó nâng cao năng lực tự phản biện và tự điều chỉnh.

6. Kết luận

Phiên dịch Trung - Việt đòi hỏi sinh viên không chỉ thành thạo kiến thức và kỹ năng của cả hai ngôn ngữ tiếng Trung Quốc và tiếng Việt, mà cần nắm bắt tốt các kỹ năng phiên dịch. Qua khảo sát các bài kiểm tra giữa kỳ môn Phiên dịch nâng cao của sinh viên năm thứ ba, Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, đồng thời căn cứ vào tiêu chí đánh giá quá trình phiên dịch, chúng tôi nhận thấy rằng:

Số lượng đạt chuẩn về tiêu chí truyền tải số lượng nội dung thông tin trong phiên dịch Trung - Việt và Việt - Trung lần lượt là 58,17% và 52,93%, chưa đạt chuẩn là 41,83% và 47,07%. Tiêu chí đảm bảo thời lượng truyền tải thông tin đạt chuẩn lần lượt là 69,91% và 72,54%, chưa đạt chuẩn là 30,09% và 27,46%. Kết quả cho thấy mặc dù tỷ lệ nắm bắt được lượng thông tin là tương đối khả quan, sinh viên vẫn gặp phải thách thức lớn trong việc đảm bảo độ chuẩn xác ngôn ngữ, tốc độ phản ứng. Điều này chỉ ra rằng học mới chỉ đáp ứng được phần nào yêu cầu về mặt thông tin, nhưng chưa thực sự làm chủ được kỹ năng ngôn ngữ và xử lý tình huống dưới áp lực thời gian - những yếu tố then chốt của phiên dịch chuyên nghiệp.

Tỷ lệ mắc lỗi từ vựng, ngữ pháp và diễn đạt còn cao, với trung bình 8 lỗi/bài. Điều này

phản ánh thực tế rằng bên cạnh kỹ năng phiên dịch, năng lực ngôn ngữ nền tảng của sinh viên vẫn còn hạn chế, đặc biệt trong việc lựa chọn từ, vận dụng cấu trúc ngữ pháp và diễn đạt tự nhiên. Do đó, việc xác định các lỗi sai điển hình và áp dụng các phương pháp giảng dạy, học tập tập trung vào những điểm yếu này là hết sức cần thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, từ đó đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp sau này.

Tài liệu tham khảo

- Dang, T. L., & Nguyen, P. T. (2023). Common mistakes of Chinese-majored students in learning Translation. *DTU Journal of Science and Technology*, 1(56), 89-101. <https://byvn.net/HI8h>
- Do, T. H. (2018). A survey on the third-year students' translation mistakes at the University of Languages and International Studies, Vietnam National University, Hanoi. *VNU Journal of Foreign Studies*, 34(1), 80-90. <https://doi.org/10.25073/2525-2445/vnufs.4229>
- Dinh, Q. H. (Ed.). (2022). *Land border relations between China and neighboring countries*. Social Sciences Publishing House.
- Liu, H. P. (2005). *Interpreting theory and teaching*. China Translation & Publishing Corporation.
- Luo, R. J. (2014). *A new coursebook for fundamental English interpreting*. Chongqing Shengguang Electric Power Printing Co., Ltd.
- Mei, D. M. (2010). *Intermediate interpreting course*. Shanghai Foreign Language Education Press.
- Nguyen, H. H., Chu, T. H. M., & Tran, T. B. N. (2015). Common mistakes in translation practices by students: A case study in FELTE, ULIS, VNU. *Journal of Language & Life*, 7(237), 52-58. <http://vci.vnu.edu.vn/upload/15022/pdf/57639f8c7f8b9aa7b58b4583.pdf>
- Qin, X. Y. (2010). *A coursebook in interpreting theory and practice*. China Water & Power Press.
- Sun, W. B., & Wang, E. M. (2000). *Advanced translation course*. Shanghai Foreign Language Education Press.
- Wei, C. F., Lin, L., & Liang, M. H. (2017). *Sino-Vietnamese interpreting: Theory and practice*. Chongqing University Press.